

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9- 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Danh Sử.

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Hồng Nh, sinh năm 1995.

Đăng ký hộ khẩu: Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện chị Nh đang ở: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa anh H và chị Nh vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn Anh Bùi Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và Chị Đỗ Thị Hồng Nh kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 26/12/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống với nhau cùng gia đình anh tại Thôn A, xã V, huyện N. Hai vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn

nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng và gia đình không hòa hợp nảy sinh nhiều bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xung đột. Hiện chị Nh đã về quê chị tại Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sinh sống. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Nh trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên anh xin ly hôn với chị Nh để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh xác định anh và chị Nh có 01 con chung là cháu Bùi Quốc H sinh 30/12/2015, hiện cháu đang ở với anh. Ly hôn anh xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu chị Nh đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Chị Đỗ Thị Hồng Nh được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2020: chị Nh thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống như anh H trình bày là đúng. Theo chị mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hòa hợp bất đồng quan điểm, do không chịu được nên chị và anh H chính thức ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian đó không ai quan tâm và hỏi han nhau. Nay anh H xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý vì chị xác định vợ chồng ly thân đã lâu, bản thân chị cũng không còn tình cảm với anh H.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Quốc H sinh ngày 30/12/2015, hiện cháu đang ở với anh H, nếu ly hôn chị đồng ý cho anh H tiếp tục nuôi cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không có yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện N với UBND xã V, huyện N thì anh H và chị Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Về mâu thuẫn giữa anh H và chị Nh ủy ban chỉ nắm được là do không hợp, vợ chồng đã sống ly thân.

Tại đơn xin xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Bùi Xuân H. Xử lý hôn giữa Anh Bùi Xuân H và Chị Đỗ Thị Hồng Nh.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Bùi Quốc H sinh ngày 30/12/2015, hiện cháu đang ở với anh H, cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

3. *Về án phí ly hôn*: Anh Bùi Xuân H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: anh H và chị Nh đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2]. **Về nội dung**: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị Nh là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hòa hợp. Bản thân các bên cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H với chị Nh là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Nguyên vọng của anh H xin được tiếp tục nuôi cháu Bùi Quốc H, chị Nh cũng đồng ý cho anh H nuôi cháu để đảm bảo sự ổn định cho cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng: anh H là lao động tự do, có thu nhập, có đủ sức khỏe và các điều kiện khác để chăm sóc và nuôi dạy con cái. Hiện cháu Hưng đã đến tuổi đi học và ở ổn định với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích, sự ổn

định, đảm bảo về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu nên giao cháu Hưng cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của Anh Bùi Xuân H. Xử lý hôn giữa Anh Bùi Xuân H và Chị Đỗ Thị Hồng Nh.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Bùi Quốc H sinh ngày 30/12/2015, hiện cháu đang ở với anh H cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Hậu phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Hải đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2018/0000580 ngày 21/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: anh H và chị Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã V.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh